TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 121 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26-4- 2018
V/v tranh chấp ly hôn,

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH,TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Mỹ Dung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Trần Thành Hiệp**
2/ Bà **Nguyễn Thị Ngọc Thơ**

-Thư ký phiên toà: **Bà Lê Yến Phương** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành th*am gia phiên tòa*: **Bà Lê Thị Tố Anh-** Kiểm sát viên

Ngày **26** tháng **4** năm **2018** tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2018/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 1 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2018/QĐXX-ST ngày 27 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1.***Nguyên đơn***: Chị **Võ Thị Ngọc P,** sinh năm**:** 1976 (**Có mặt)**
Nơi cư trú: Tổ 10, ấp H, TT A, huyện C, tỉnh An Giang

2.***Bị đơn***: Anh **Phạm Văn C,** sinh năm: 1974 **(Vắng mặt)**
Nơi cư trú: Tổ 10, ấp H, TT A, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai cùng ngày 06/10/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Võ Thị Ngọc P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Ngọc P và anh Phạm Văn C kết hôn với nhau vào năm 1994, hôn nhân do quen biết, không có tổ chức cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại thị trấn An Châu. Sau khi kết hôn chị và anh C về sống bên gia đình anh C. Vợ chồng sống hạnh phúc được hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng trong cuộc sống, anh C sinh ra ăn nhậu thường xuyên, không chăm lo gia đình vợ con, vợ chồng bất đồng trong việc làm ăn, trong

giải quyết nội bộ gia đình và mâu thuẫn với gia đình bên chồng. Từ tháng 7 năm 2009 chị và anh C ly thân nhau đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn C

Về con chung: Chị Võ Thị Ngọc P và anh Phạm Văn C có 02 con chung tên Phạm Ngọc Anh T, sinh ngày 4/4/ 1997 và Phạm Văn D, sinh ngày 4/1/2000. Hiện hai cháu đang sống với anh C. Sau khi ly hôn chị đồng ý giao hai con cho anh C nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Chị Võ Thị Ngọc P trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Phạm Văn C: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt và niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, các thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Phạm Văn C vẫn vắng mặt các buổi phiên họp giao nộp chứng cứ và hòa giải không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của chị P. Tòa án cũng tiến hành xác minh lấy lời khai của anh C nhưng anh C vắng mặt tại nhà nên không lấy lời khai lại được.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm cho rằng. **Về tố tụng**: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan. **Về nội dung vụ án**: Căn cứ vào các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả việc hỏi tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến đề nghị. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P, cho chị P ly hôn với anh C. Về con chung: Cháu T và cháu D đã trưởng thành. Về tài sản: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Anh Phạm Văn C là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh C vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Văn C theo quy định pháp luật.

[2] **Về nội dung**:

[2.1] **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Võ Thị Ngọc P và anh Phạm Văn C kết hôn vào năm 1994, hôn nhân do quen biết, không có tổ chức cưới nhưng có đăng ký kết hôn. Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo chị P trình bày sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng trong cuộc sống, anh C sinh ra ăn nhậu thường xuyên, không chăm lo gia đình vợ con, vợ chồng bất đồng trong việc làm ăn, trong giải quyết nội bộ gia đình và mâu thuẫn với gia đình bên chồng. Từ tháng 7 năm 2009 chị và anh C ly thân nhau đến nay. Xét thấy với thời gian dài chung sống, khi phát sinh mâu thuẫn nhưng cả hai không tìm ra biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng dẫn đến vợ chồng ngày càng thêm mâu thuẫn. Trong thời gian ly thân hai bên không tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong thời gian giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tống đạt giấy mời nhưng anh C cũng không đến và cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để có ý kiến về việc xin ly hôn của chị P. Hiện tại chị Phượng xác định không còn tình cảm với anh C, tại tòa chị vẫn cương quyết xin ly hôn. Do đó, hôn nhân của chị P và anh C không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P là hoàn toàn phù hợp với quy định tại điều 56 của luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] **Về con chung:** Chị Võ Thị Ngọc P và anh Phạm Văn C có 02 con chung tên Phạm Ngọc Anh T, sinh ngày 4/4/1997 và Phạm Văn D, sinh ngày 4/1/2000. Hiện hai cháu đang sống với anh C, chị P đồng ý để cháu T và cháu D sống với anh của. Hiện hai cháu T và Cháu D đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

[2.4] **Về tài sản chung:** Chị Võ Thị Ngọc P trình bày tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

[2.5] **Về nợ chung**: Chị Võ Thị Ngọc P trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.6] **Về án phí:** Do yêu cầu của Chị Võ Thị Ngọc P được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật

*Vì các lẽ trên***,**

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 9, 53, 56, 58 Luật Hôn nhân gia đình 2014, các điều 28, 35, 147, 227, 228, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. **Về hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Võ Thị Ngọc P. Cho ly hôn giữa chị Võ Thị Ngọc P và anh Phạm Văn

2**. Về nuôi con chung**: Chị Võ Thị Ngọc P và anh Phạm Văn C có 02 con chung tên Phạm Ngọc Anh T, sinh ngày 4/4/1997 và Phạm Văn D, sinh ngày 4/1/2000. Hiện hai cháu đang sống với anh C, chị P đồng ý để cháu T và cháu Dsống với anh C. Hiện hai cháu T và Cháu D đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

Anh Phạm Văn C phải tạo điều kiện thuận lợi cho chị P được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở khi chị thực hiện quyền này.

3**. Về tài sản và nợ chung:** Chị Võ Thị Ngọc P trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

4**.Về án phí dân sự sơ thẩm**: Chị Võ Thị Ngọc P phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003244 ngày 15/1/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

5**. Về kháng cáo**: Chị Võ Thị Ngọc P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26/4/2018). Anh Phạm Văn C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
-VKSND huyện Châu Thành;
-Chi cục THA.DS huyện;
-Cơ quan đăng ký kết hôn;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Mỹ Dung